TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁT XÁT **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04 /2025/HNGĐ – ST
Ngày 21 tháng 01 năm 2025.
" V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁT XÁT, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Duy Chiến.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Hoa Thị Vân;
2. Bà Phạm Thị Hòa;

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Minh Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

Ngày 21 tháng 01năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 110/2024/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2024 về: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2025; Giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Nùng Thị T, sinh ngày 07/11/2001;
Địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện B, tỉnh Lào Cai.
Có mặt.
2.Bị đơn: Anh Sần Phương Đ, sinh ngày 09/7/2000.
Địa chỉ: Thôn L, xã Q huyện B, tỉnh Lào Cai.
Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện nộp Tòa án ngày 27/11/2024; đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung ngày 12/12/2024 và trong quá trình Tòa án giải quyết, nguyên đơn chị Nùng Thị T trình bày:

Chị và anh Sần Phương Đ kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quang Kim, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai theo giấy chứng nhận kết hôn số 45, ngày 18/12/2020.

Sau khi đăng ký kết hôn, anh, chị sống với nhau được 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, không còn tôn trọng nhau làm ảnh hưởng

đến tinh thần và sức khỏe của nhau, thực tế vợ chồng đã sống ly thân được 3 tháng, chị về bên nhà bố mẹ đẻ để ở. Quá trình sống ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Đến nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trở nên trầm trọng hơn, chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Sần Phương Đ.

Về con: Trong thời gian chung sống, vợ chồng sinh được 01 cháu, cháu tên là Sần Đức Q, sinh ngày 16/10/2021. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu anh Sần Phương Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Tại biên bản Hòa giải lập ngày 09/01/2025 chị đồng ý để anh Sần Phương Đ nuôi dưỡng cháu Sần Đức Q đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh Sần Phương Đ không nợ ai và không cho ai vay, vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 18/12/2024 và quá trình giải quyết anh Sần Phương Đ trình bày:

Anh và chị T kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B, tỉnh Lào Cai theo giấy chứng nhận kết hôn số 45, ngày 18/12/2020. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau đến ngày 31/7/2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là chị Tuyết phát sinh tình cảm với người khác và bỏ nhà đi từ 12/9/2024, mâu thuẫn đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không khắc phục được. Tại bản tự khai anh xét thấy tình cảm không còn nên đã nhất trí ly hôn, đến ngày 09/01/2025 khi Tòa án hòa giải thì anh không đồng ý ly hôn vì lý do chị T không thanh toán cho anh 100.000.000 đồng là tài sản chung của vợ chồng.

Về con chung: Anh và chị T có một người con chung đúng như chị Tuyết đã trình bày, trong trường hợp phải ly hôn anh đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Sần Đức Q, sinh ngày 16/10/2021 đến khi trưởng thành.

Tại biên bản Hòa giải lập ngày 09/01/2025 anh Đ và chị T đã thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con, chị Tuyết đồng ý để anh Đông nuôi dưỡng cháu Sần Đức Quý đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng: Anh không đề nghị chị Tuyết cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản: Tại bản tự khai ngày 18/12/2024 anh đã kê khai tài sản chung của vợ chồng có 400.000.000 đồng tiền mặt, chị Tuyết đã chia cho anh 100.000.000 đồng, hiện còn 300.000.000 đồng, do chị Tuyết quản lý, đây là tài sản chung của vợ chồng, khi ly hôn anh yêu cầu chị Tuyết chia số tiền ở trên, phần của anh được hưởng là 100.000.000 đồng.

Tại biên bản hòa giải ngày 09/01/2025 anh Đông xác nhận đã được Tòa án hướng dẫn làm thủ tục để khởi kiện yêu cầu giải quyết khoản tiền trên và

nộp tạm ứng án phí, nhưng anh và chị Tuyết muốn tự giải quyết với nhau, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh và chị Tuyết không có khoản vay nợ chung cũng không có cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với vụ án này Tòa án đã đưa ra Hòa giải ngày 09/01/2025 nhưng các đương sự không thống nhất được với nhau về quan hệ hôn nhân.

Tại phiên toà:

- Chị Nùng Thị T giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn.

Về con: Chị đồng ý để anh Sần Phương Đ nuôi dưỡng cháu Sần Đức Quý, sinh ngày 16/10/2021.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh Sần Phương Đ không nhất trí ly hôn, vì lý do chị T không chia tài sản.

Về con chung: Anh đồng ý là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Sần Đức Quý đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản: Anh Đông yêu cầu chị Tuyết chia tài sản chung, phần anh được hưởng là 100.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Sần Phương Đ có địa chỉ tại huyện B, tỉnh Lào Cai. Như vậy Tòa án nhân dân huyện B thụ lý vụ án là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Chị Nùng Thị T và anh Sần Phương Đ kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q huyện B, tỉnh Lào Cai theo giấy chứng nhận kết hôn số số 45, ngày 18/12/2020 trên cơ sở tự nguyện, như vậy hôn nhân này là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ và công nhận.

[3] Xét đối với yêu cầu của các đương sự:

Theo nguyên đơn trình bày thì chị Tt và anh Đ sau khi kết hôn, anh, chị sống với nhau được 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, không còn tôn trọng và làm ảnh hưởng đến tinh thần và sức khỏe của nhau, thực tế vợ chồng đã sống ly thân được 3 tháng, mỗi người sống một nơi. Anh Đông cho rằng chị Tuyết có mối quan hệ với người đàn ông khác và bỏ nhà đi từ ngày 12/9/2024. Tại bản tự khai ngày 18/12/2024 anh Đông nhất trí ly hôn, đến ngày 09/01/2025 anh Đ không đồng ý ly hôn vì lý do chị T đang quản lý số tiền mặt là tài sản chung của vợ chồng không chia cho anh, vì vậy anh không đồng ý ly hôn.

Xét thấy mâu thuẫn của chị T và anh Đ là có thật, mâu thuẫn của vợ chồng, do chị T trình bày là phù hợp, tại bản tự khai anh Đ đã xác nhận vợ chồng có mâu

thuẫn và đã đồng ý ly hôn nhưng do chị T không chia số tiền mặt là tài sản chung của vợ chồng nên anh Đ không đồng ý ly hôn, lý do anh Đ đưa ra là không phù hợp, Tòa án đã hướng dẫn cho anh để giải quyết chia tài sản nhưng anh không làm. Vì vậy không chấp nhận yêu cầu của anh Đ, chấp nhận yêu cầu của chị Tuyết, áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho chị Nùng Thị T được ly hôn anh Sần Phương Đ.

[4] Về con: Chị Nùng Thị T và anh Sần Phương Đ sinh được 01 con chung, cháu tên là Sần Đức Q, sinh ngày 16/10/2021. Tại biên bản hòa giải ngày 09/01/2025 và tại phiên tòa hôm nay anh chị đã thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con chung, xét thấy sự thỏa thuận của anh, chị là tự nguyện. Vì vậy Tòa án công nhận sự thỏa thuận về con. Giao cháu Sần Đức Q cho anh Đ nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung:

Anh Sần Phương Đ không yêu cầu chị Tuyết cấp dưỡng tiền nuôi con chung, xét thấy yêu cầu của anh Đ là tự nguyện, vì vậy tạm thời chị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[6] Về tài sản: Tại bản tự khai ngày 18/12/2024 anh Đông đã kê khai tài sản chung có 400.000.000 đồng, chị T đã chia cho anh Đông 100.000.000 đồng, hiện còn 300.000.000 đồng, do chị Tt quản lý. Tòa án đã hướng dẫn anh Đ làm thủ tục để khởi kiện yêu cầu giải quyết khoản tiền trên và nộp tạm ứng án phí, nhưng anh Đ không thực hiện và muốn tự giải quyết, không đề nghị Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa anh Đ cũng đưa ra lý do như ở trên. Đối với phần tài sản này Tòa án không giải quyết trong vụ án này, Tòa án sẽ giải quyết khi anh Đ có yêu cầu.

[7] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án ngày 30/12/2016, chị Nùng Thị T phải chịu án phí ly hôn theo qui định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên***:**

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57; Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Xử cho chị Nùng Thị T được ly hôn anh Sần Phương Đ. Quan hệ hôn nhân của chị Nùng Thị T và anh Sần Phương Đ chấm dứt kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con: Anh Sần Phương Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Sần Đức Quý, sinh ngày 16/10/2021 cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Anh Sần Phương Đ không yêu cầu chị Nùng Thị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị Nùng Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nùng Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai theo biên lai số 0002894 ngày 17 tháng 12 năm 2024.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự, có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TA tỉnh Lào Cai;
- VKSND H. Bát Xát (2);
- Đương sự (2);
- UBND xã Q;
- THA DS;
- Lưu TA,VP, HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Duy Chiến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Duy Chiến